

Số: /BC-CCTK

Gò Dầu, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Phân tích các yếu tố chủ yếu tác động đến tăng/giảm GTSX một số ngành kinh tế chủ yếu trên địa bàn huyện ước 6 tháng/2024

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện ước tăng 15,63% so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2023. Kết quả các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

1. Ngành nông – lâm, thủy sản: ước tăng **3,13%** so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2023, tiếp tục duy trì ổn định phát triển. Điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,08% điểm, chiếm tỷ lệ 0,54% trong mức tăng chung. Trong đó:

+ **Cây hàng năm tăng 2,62%, điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 2,33%**, trong đó:

- Cây lúa vụ Đông xuân tăng 3,04%, điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,77% điểm; vụ Hè thu tăng 3,01%, điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,35% điểm. do năng suất lúa tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Cây mỳ tăng 3,49%, điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,03%; cây mía tăng 1,29%.

Nhìn chung, các loại cây trồng hàng năm 6 tháng đầu năm đều có phát triển, riêng đậu các loại giảm nhưng không ảnh hưởng đến tốc độ tăng chung.

+ **Cây lâu năm tăng 4,05%, điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,93%**. Trong đó: Cây Sầu riêng có mức tăng cao 24,89%, điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,71%; Cây cao su tăng nhẹ 0,12%, điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,01%. Các loại cây khác duy trì phát triển ổn định, có 1 số cây giảm như cây Thanh Long.

+ **Chăn nuôi tăng 2,21%, điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,38%**, nhìn chung gia súc và gia cầm đều duy trì phát triển ổn định. Trong đó:

- Sản phẩm thịt hơi xuất chuồng chính tăng 2,19 %.

- Sản phẩm không qua giết thịt chính tăng 2,32 %.

2. Ngành Công nghiệp – Xây dựng: ước tăng **16,11 %** so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2023 (6 tháng/2023 tăng 9,48 %), Điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 15,20% điểm, chiếm tỷ lệ 97,29 % trong mức tăng chung.

2.1. Ngành Công nghiệp ước tăng 16,18 % (6 tháng/2023 tăng 9,47%).

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện Gò Dầu 6 tháng đầu năm 2024 tăng 16,18% so cùng kỳ, chủ yếu do đóng góp của 02 ngành lớn (đóng góp gần 14,5 điểm phần trăm), trong đó cao nhất là công nghiệp dệt đóng góp 8,82 điểm phần trăm, tăng 16,49% so cùng kỳ (nguyên nhân do một số năng lực cũ mở rộng quy mô và năng lực mới ngày càng hoạt động ổn định hơn); ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic đóng góp 5,67 điểm phần trăm, tăng 16,03% so cùng kỳ do nhu cầu thị trường tăng từ ngành công nghiệp ô tô của Trung Quốc. Trong đó: 1 số ngành có mức tăng/giảm cao/ thấp so với cùng kỳ năm trước.

- Ngành dệt may tăng 16,49% (quý 1/2024 tăng 16,47%);
- Ngành sản xuất trang phục tăng 54,78% (quý 1/2024 tăng 131,39%);
- Ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 16,03% (quý 1/2024 tăng 18,72%);
- Ngành công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 13,26% (quý 1/2024 12,65%);
- Ngành sản xuất da và các sản phẩm liên quan giảm 1,46% (quý 1/2024 giảm 30%);
- Ngành sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 32,82% (quý 1/2024 giảm 63,73%);
- Ngành chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ giảm 30,05% (quý 1/2024 giảm 31,02%).

2.1. Ngành Xây dựng ước tăng 12% (quý 1/2024 tăng 7,64%, 6 tháng đầu năm 2023 tăng 10%). Cụ thể:

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước ngoài tỉnh (thi công): 270,056 tỷ đồng
- Doanh nghiệp ngoài nhà nước (trong tỉnh): 135,044 tỷ đồng.
- Xã, thị trấn (không do doanh nghiệp xây dựng thi công): 3,687 tỷ đồng.
- Hộ dân cư: 508,028 tỷ đồng.

3. Ngành Thương mại – Dịch vụ (lưu trú và ăn uống) ước tăng 8,09% so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2023, (quý 1 năm 2024 tăng 7,07%, 6 tháng đầu năm 2023 tăng 7,32%). Điểm đóng góp vào tỷ lệ tăng chung 0,13% điểm, chiếm tỷ lệ 0,78 % trong mức tăng chung. Trong đó:

- Ngành bán, sửa chữa ô tô, xe máy tăng 14,12%;
- Ngành bán buôn tăng 9,20%;
- Ngành bán lẻ tăng 5,34%;
- * Ngành dịch vụ ăn uống và lưu trú tăng 6,52%.

Trên đây là báo cáo phân tích 1 số yếu tố tác động đến mức tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của huyện trong 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Gò Dầu (b/cáo);
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: CCTK. Khu vực..

CHI CỤC TRƯỞNG

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT MỘT SỐ NGÀNH KINH TẾ CHỦ YẾU
6 tháng đầu năm 2024

710- Gò Dầu

Nội dung chỉ tiêu	Theo giá hiện hành (Tr.đồng)			Theo giá so sánh 2010 (Tr.đồng)			Điểm đóng góp vào tăng/giảm chung (điểm %)	Tỷ lệ đóng góp vào tăng/giảm chung (100%)
	6T năm 2023	6T năm 2024	Cơ cấu 2024 (%)	6T năm 2023	6T năm 2024	% so sánh 2024/2023		
TỔNG SỐ	45.631.825,86	53.280.307,93	100,00	29.873.733,55	34.541.778,75	115,63	15,63	100,00
Các ngành kinh tế								
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	<i>1.224.961,06</i>	<i>1.288.867,13</i>	<i>2,42</i>	<i>806.237,85</i>	<i>831.450,55</i>	<i>103,13</i>	<i>0,08</i>	<i>0,54</i>
<i>Trong đó: Nông nghiệp</i>	<i>1.208.581,06</i>	<i>1.271.724,63</i>	<i>98,67</i>	<i>796.709,31</i>	<i>821.641,41</i>	<i>103,13</i>	<i>0,08</i>	<i>0,53</i>
<i>Trồng trọt</i>	<i>915.657,64</i>	<i>964.644,87</i>	<i>75,85</i>	<i>614.693,12</i>	<i>633.450,08</i>	<i>103,05</i>	<i>0,06</i>	<i>0,40</i>
<i>Chăn nuôi</i>	<i>226.022,65</i>	<i>231.702,47</i>	<i>18,22</i>	<i>139.266,19</i>	<i>142.339,33</i>	<i>102,21</i>	<i>0,01</i>	<i>0,07</i>
<i>Trồng trọt+Chăn nuôi hỗn hợp</i>	<i>66.900,77</i>	<i>75.377,29</i>	<i>5,93</i>	<i>42.750,00</i>	<i>45.852,00</i>	<i>107,26</i>	<i>0,01</i>	<i>0,07</i>
Công nghiệp và xây dựng	43.593.464,80	51.088.958,00	95,89	28.577.460,30	33.180.656,40	116,11	15,41	98,61
Công nghiệp	42.759.873,10	50.172.143,00	98,21	28.064.911,10	32.606.603,50	116,18	15,20	97,29
<i>Tr.đó: Khu vực có VĐT NN</i>	<i>42.150.569,50</i>	<i>49.574.095,30</i>	<i>98,81</i>	<i>27.652.485,00</i>	<i>32.218.568,80</i>	<i>116,51</i>	<i>15,28</i>	<i>97,82</i>
Xây dựng	833.591,70	916.815,00	1,79	512.549,20	574.052,90	112,00	0,21	1,32
Thương mại Dịch vụ	813.400,00	902.482,80	1,69	490.035,40	529.671,80	108,09	0,13	0,85

<i>Doanh thu TM-DV LT, ẾU</i>	<i>5.431.876,70</i>	<i>6.099.804,00</i>
<i>Thương mại</i>	<i>4.998.527,70</i>	<i>5.630.953,50</i>
<i>Lưu trú, ăn uống</i>	<i>433.349,00</i>	<i>468.850,50</i>